

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HS-ST
Ngày 28/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.
- + Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến.
Ông Trần Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND Khu vực 14 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trình Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Đắk Lắk mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Đắk Lắk đối với bị cáo: **Trần Văn T1** – Sinh ngày: 29/10/1997 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm T, xã B, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; CCCD số 040097026696, cấp ngày 27/4/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH-Bộ C2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Văn N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 2003, có 01 con sinh năm 2026; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/10/2020 bị TAND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (cũ) xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự (Chấp hành xong ngày 06/4/2022). Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Huỳnh Văn T2, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bùi Văn T3, sinh năm 1993; Trú tại: Khu phố M, phường X, tỉnh Đắk Lắk.
Vắng mặt.

- Trương Thành T4, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* Người làm chứng: Thái Ngọc T5, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn thu lợi bất chính nên khoảng cuối tháng 9/2025, khi đang ở trọ tại thành phố Đà Nẵng, Trần Văn T1 đã tạo trang Facebook tên “Vật liệu xây dựng Chiêu C1” và đưa ra thông tin gian dối là nhà phân phối, bán sắt, thép; đồng thời, T1 đã mua sim rác số thuê bao 0964874643 để tạo Zalo mang tên “Phạm Văn S” và lên mạng xã hội mua tài khoản ngân hàng V mang tên “PHAM VAN SON” để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 09/10/2025, Huỳnh Văn T2 là chủ thầu xây dựng đang thi công xây nhà cho ông Bùi Văn T3 tại tổ dân phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk đã liên hệ với T1 qua Facebook để xin báo giá. Đến ngày 11/10/2025, T1 sử dụng tài khoản Zalo “Phạm Văn S” liên hệ với T2 để thỏa thuận số lượng sắt, thép, xi măng đặt mua. Sau đó, T1 liên hệ với Công ty TNHH T7 (địa chỉ B Q, xã P, tỉnh Gia Lai) do ông Trương Thành T4 làm Giám đốc, để đặt mua hàng theo số lượng đã thỏa thuận với T2 trước đó. T1 thống nhất với bảng báo giá của Công ty T7 là 130.197.000 đồng và chuyển khoản cho Công ty số tiền đặt cọc 2.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2025, T1 đã tự tạo ra một bảng báo giá khác với giá trị lô hàng là 119.780.000 đồng gửi cho T2. Do thấy giá rẻ hơn thị trường nên T2 đồng ý mua lô hàng này.

Khoảng 08h15’ ngày 15/10/2025, Thái Ngọc T5 (là tài xế giao hàng của Công ty T7) chở lô hàng đến gặp T2 tại công trình xây dựng nhà ở tổ dân phố L. Khi biết T2 đã kiểm tra lô hàng, T1 gọi Z thúc giục T2 chuyển khoản tiền cho T1. Sau đó, T3 đã chuyển cho T1 số tiền 119.780.000 đồng. Nhận được tiền, T1 lập tức khoá Zalo, chặn cuộc gọi của T2 và Công ty T7, vứt bỏ điện thoại di động gắn sim số 0964874643, vứt sim thuê bao số 0866659853. Đến ngày 16/12/2025, T2 đến Công an phường S trình báo sự việc. Ngày 17/12/2025 Trần Văn T1 đến Công an xã P, tỉnh Quảng Trị để đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số: 88/CT-VKSKV14 ngày 06/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 - Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Văn Tuấn về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

* Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu. Kết luận bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 36 BLHS đối với bị cáo Trần Văn T1, xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T1 từ 15 đến 20 triệu đồng. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng số tiền bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo tại Biên lai thu tiền số 0000032 ngày 03/7/2026 do ông Trương Thành T4 nộp vào tài khoản của THADS tỉnh Đ.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động hiệu Realme của bị cáo Trần Văn T1 dùng để thực hiện hành vi lừa đảo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

* Người bị hại xin HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo đến mức thấp nhất vì sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, bồi thường đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo mới sinh con nên bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình.

* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, bị cáo không tranh luận gì; lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, hiện nay bị cáo đang đi làm nuôi vợ mới sinh, hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được có cơ hội ở nhà lao động chăm sóc vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại

phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Do muốn thu lợi bất chính nên tháng 9/2025, Trần Văn T1 dùng mạng xã hội đưa ra thông tin gian dối là người bán vật liệu xây dựng để tạo niềm tin đối với Huỳnh Văn T2. Sau đó, T1 dùng thủ đoạn gọi Zalo đặt hàng vật liệu xây dựng của Công ty TNHH T7 và yêu cầu vận chuyển đến tổ dân phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk để giao cho T2, đồng thời yêu cầu T2 chuyển tiền cho T1. Đến khoảng 08h15' ngày 15/10/2025, khi xe chở hàng đến, T2 đã bảo Bùi Văn T3 chuyển số tiền 119.780.000 đồng vào tài khoản của T1 để thanh toán tiền mua hàng và T1 đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này, nên hành vi của bị cáo Trần Văn T1 đã cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Do đó, Cáo trạng số 88/CT-VKSKV14 ngày 06/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 - Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường đầy đủ toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú, đồng thời giao nộp chiếc điện thoại là vật chứng quan trọng trong việc giải quyết vụ án, thể hiện bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; bị cáo có ông nội ruột là người có công với Cách mạng, có nhiều công lao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý; có cha ruột từng tham gia quân đội, có anh ruột được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng TNHS, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đang là lao động chính trong gia đình; việc bị cáo nhận thức được sai lầm và ra đầu thú đã thể hiện khả năng tự cải tạo của bị cáo nên không cần

thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để thể hiện tính nhân văn, khoan hồng của pháp luật, sự ghi nhớ công lao của người có công với Cách mạng và cũng để bị cáo có cơ hội khắc phục, sửa chữa sai lầm thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đã bị xử phạt bổ sung bằng hình phạt tiền nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, nên HĐXX không xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Số tiền 2.000.000 đồng do ông Trương Thành T4 nộp vào tài khoản của THADS tỉnh Đ là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 Điện thoại di động hiệu Realme của bị cáo Trần Văn T1 dùng để thực hiện hành vi lừa đảo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 36 BLHS đối với bị cáo Trần Văn T1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ (9 ngày từ ngày 18/12/2025 đến 27/12/2025) là 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T1 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo Trần Văn T1 cho UBND xã B, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ của người bị kết cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tại Biên lai thu tiền số 0000032 ngày 03/7/2026 do ông Trương Thành T4 nộp vào tài khoản của THADS tỉnh Đ.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động hiệu Realme của bị cáo Trần Văn T1 (hiện Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đang tạm giữ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Trung Nguyễn Văn T6

Trần Vĩnh L

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 14;
- CQ CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- CQ THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV 14;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long